

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình
Cải tạo và nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2085/QĐ-UBND ngày 14/7/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo và nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 0904/SXD-HĐXD ngày 01/03/2017 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo và nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa và hồ sơ liên quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo và nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, gồm các nội dung sau:

1. Khái quát dự án:

Dự án Cải tạo và nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Bá Thước, được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2085/QĐ-UBND ngày 14/7/2008 với tổng mức đầu tư là **23.904.836.921,0 đồng** (trong đó chi phí xây dựng là 19.069.150.000,0 đồng; chi phí thiết bị là 40.000.000,0 đồng; chi phí quản lý dự án 370.335.327,0 đồng; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng là 1.147.109.343,0 đồng; chi phí khác 160.220.044,0 đồng; chi phí dự phòng 3.118.022.207,0 đồng).

2. Lý do điều chỉnh: Thực hiện theo nội dung Công văn số 727/UBND-VX ngày 18/01/2017 của UBND tỉnh về việc chủ trương điều chỉnh dự án Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Bá Thước.

3. Nội dung điều chỉnh:

- Điều chỉnh mức đầu tư hạng mục Nhà hành chính, nhà trực, sân đường nội bộ và thoát nước ngoài nhà theo Quyết định số 3317/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh; tổng hợp chi phí thực hiện các hạng mục theo giá trị quyết toán hoàn thành;

- Hạng mục khu xử lý nước thải đã được đầu tư tại Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 27/4/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải Bệnh viện Đa khoa huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

- Nguồn vốn: Vốn trái phiếu Chính phủ, ngân sách tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp khác.

4. Tổng mức đầu tư điều chỉnh:	29.390.205.348	đồng.
- Chi phí xây dựng + thiết bị	: 25.460.948.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	: 517.340.045	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT	: 2.103.777.912	đồng;
- Chi phí khác	: 239.822.177	đồng;
- Chi phí dự phòng	: 1.068.317.214	đồng.

(Có phụ lục kèm theo)

5. Các nội dung khác: Thực hiện theo Quyết định số 2085/QĐ-UBND ngày 14/7/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo và nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Bệnh viện Đa khoa Bá Thước (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Y tế; Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Bá Thước; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền

Phụ biểu TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

Dự án: Cải tạo và nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Bá thước, tỉnh Thanh Hóa
(Kèm theo Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	TMĐT THEO QĐ 2085/QĐ-UBND NGÀY 14/07/2008 CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH	TMĐT ĐIỀU CHỈNH	CHÊNH LỆCH
	[1]	[2]	[3]	[4]=[3]-[2]
I	Chi phí xây dựng (GxI)	19,069,150,000	25,460,948,000	6,391,798,000
I.1	Công trình xây dựng mới	15,176,850,000	18,682,265,000	3,505,415,000
1	Nhà điều trị Khoa Nội-Nhi-Cấp cứu-Đông y - Liên CK (03 tầng)	9,500,850,000	9,288,041,000	-212,809,000
2	Nhà Khoa dinh dưỡng	1,275,000,000	2,282,423,000	1,007,423,000
3	Nhà Khoa truyền nhiễm	1,029,000,000	2,012,504,000	983,504,000
4	Nhà Khoa chống nhiễm khuẩn	621,000,000	1,459,855,000	838,855,000
5	Nhà hành chính	2,751,000,000	3,639,442,000	888,442,000
I.2	Công trình cải tạo	1,200,000,000	3,371,311,000	2,171,311,000
1	Nhà Khoa ngoại sản	1,200,000,000	3,371,311,000	2,171,311,000
I.3	Công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật	2,692,300,000	3,407,372,000	715,072,000
1	Nhà trực	62,300,000	102,808,000	40,508,000
2	Cổng, hàng rào	530,000,000	597,424,000	67,424,000
3	Khu xử lý nước thải	1,500,000,000		-1,500,000,000
4	Sân, đường nội bộ	400,000,000	1,974,870,000	1,574,870,000
5	Thoát nước ngoài nhà	200,000,000	732,270,000	532,270,000
II	Chi phí thiết bị	40,000,000		-40,000,000
III	Chi phí quản lý dự án	370,335,327	517,340,045	147,004,718
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1,147,109,343	2,103,777,912	956,668,569
1	Khảo sát công trình	80,000,000	211,371,000	131,371,000
2	Chi phí lập dự án đầu tư	90,959,554	90,959,000	-554
3	Chi phí thiết kế BVTC và lập dự toán công trình	482,449,495	808,235,596	325,786,101
4	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán	56,063,301	106,029,978	49,966,677
5	Chi phí lựa chọn nhà thầu thi công	52,440,163	80,284,311	27,844,148
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	385,196,830	616,823,418	231,626,588
7	Chi phí kiểm tra và chứng nhận chất lượng CTXD		71,208,000	71,208,000
8	Chi phí kiểm định chất lượng công trình cũ (Cải tạo Nhà khoa ngoại sản)		48,294,000	48,294,000
9	Chi phí giám sát, đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình		70,572,609	70,572,609
V	Chi phí khác	160,220,044	239,822,177	79,602,133
1	Chi phí thẩm định DA và thiết kế cơ sở	8,050,000	9,010,000	960,000
2	Chi phí bảo hiểm công trình	45,530,550	67,875,289	22,344,739
3	Chi phí kiểm toán công trình	65,592,571	71,986,606	6,394,035

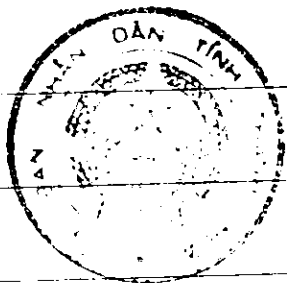
4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	41,046,923	34,087,218	-6,959,705
5	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu		6,863,064	6,863,064
6	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN		50,000,000	50,000,000
VI	Chi phí dự phòng	3,118,022,207	1,068,317,214	-2,049,704,993
	Tổng cộng:	23,904,836,921	29,390,205,348	5,485,368,427

Phụ biểu TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH
Dự án Cải tạo và nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
 (Kèm theo Quyết định số: 866 /QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	TMĐT THEO QĐ 2085/QĐ-UBND NGÀY 14/07/2008 CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH	TMĐT ĐIỀU CHỈNH	CHÊNH LỆCH	GHI CHÚ
	[1]	[2]	[3]	[4]=[3]-[2]	
I	Chi phí xây dựng (GxI)	19,069,150,000	25,460,948,000	6,391,798,000	
I.1	Công trình xây dựng mới	15,176,850,000	18,682,265,000	3,505,415,000	
1	Nhà điều trị Khoa Nội-Nhi-Cấp cứu-Đông y - Liên CK (03 tầng)	9,500,850,000	9,288,041,000	-212,809,000	QĐ số 2868/QĐ-UBND ngày 01/09/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh (bao gồm cả chi phí thiết bị)
2	Nhà Khoa dinh dưỡng	1,275,000,000	2,282,423,000	1,007,423,000	QĐ số 92/QĐ-BT ngày 10/12/2014 của Giám đốc Bệnh viện ĐK huyện Bá Thước
3	Nhà Khoa truyền nhiễm	1,029,000,000	2,012,504,000	983,504,000	nt
4	Nhà Khoa chống nhiễm khuẩn	621,000,000	1,459,855,000	838,855,000	nt
5	Nhà hành chính	2,751,000,000	3,639,442,000	888,442,000	QĐ số 3317/QĐ-UBND ngày 30/08/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
I.2	Công trình cải tạo	1,200,000,000	3,371,311,000	2,171,311,000	
1	Nhà Khoa ngoại sản	1,200,000,000	3,371,311,000	2,171,311,000	QĐ số 762/QĐ-UBND ngày 07/03/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
I.3	Công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật	2,692,300,000	3,407,372,000	715,072,000	
1	Nhà trực	62,300,000	102,808,000	40,508,000	QĐ số 3317/QĐ-UBND ngày 30/08/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Cổng, hàng rào	530,000,000	597,424,000	67,424,000	QĐ số 92/QĐ-BT ngày 10/12/2014 của Giám đốc Bệnh viện ĐK huyện Bá Thước

3	Khu xử lý nước thải	1,500,000,000		-1,500,000,000	Do được đầu tư theo QĐ số 1400/QĐ-UBND ngày 27/4/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh
4	Sân, đường nội bộ	400,000,000	1,974,870,000	1,574,870,000	QĐ số 3317/QĐ-UBND ngày 30/08/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
5	Thoát nước ngoài nhà	200,000,000	732,270,000	532,270,000	QĐ số 3317/QĐ-UBND ngày 30/08/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
II	Chi phí thiết bị	40,000,000		-40,000,000	
1	Điều hòa				
III	Chi phí quản lý dự án	370,335,327	517,340,045	147,004,718	
1	Nhà điều trị Khoa Nội-Nhi-Cấp cứu-Đông y - Liên CK (03 tầng)		182,719,000		QĐ số 2868/QĐ-UBND ngày 01/09/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Nhà hành chính, nhà trực, sân đường nội bộ và thoát nước ngoài nhà		124,988,791		QĐ số 3317/QĐ-UBND ngày 30/08/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
3	Cải tạo Nhà Khoa ngoại sản		63,878,000		QĐ số 762/QĐ-UBND ngày 07/03/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
4	Nhà khoa dinh dưỡng, nhà khoa truyền nhiễm, nhà khoa chống nhiễm khuẩn, công, hàng rào		145,754,254		QĐ số 92/QĐ-BT ngày 10/12/2014 của Giám đốc Bệnh viện ĐK huyện Bá Thước
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1,147,109,343	2,103,777,912	956,668,569	
1	Khảo sát công trình	80,000,000	211,371,000	131,371,000	
	- Chi phí khảo sát địa chất (bước lập dự án)		20,428,000		QĐ số 2868/QĐ-UBND ngày 01/09/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh
	- Chi phí khảo sát địa chất (bước TKBVTC)		33,844,000		QĐ số 2868/QĐ-UBND ngày 01/09/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh
	- Chi phí khảo sát xây dựng (bổ sung)		50,000,000		QĐ 4096/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh
	- Chi phí khảo sát địa chất, địa hình (Nhà hành chính, nhà trực, sân đường nội bộ và thoát nước ngoài nhà)		71,647,000		QĐ số 3317/QĐ-UBND ngày 30/08/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
	- Chi phí đo vẽ đánh giá hiện trạng công trình (Cải tạo Nhà khoa ngoại sản)		35,452,000		QĐ số 762/QĐ-UBND ngày 07/03/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh



2	Chi phí lập dự án đầu tư	90,959,554	90,959,000	-554	QĐ số 2868/QĐ-UBND ngày 01/09/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh
3	Chi phí thiết kế BVTC và lập dự toán công trình	482,449,495	808,235,596	325,786,101	
	- Nhà điều trị Khoa Nội-Nhi-Cấp cứu-Đông y - Liên CK (03 tầng)		290,168,000		QĐ số 2868/QĐ-UBND ngày 01/09/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh
	- Nhà Khoa dinh dưỡng, Nhà Khoa truyền nhiễm, Nhà Khoa chống nhiễm khuẩn, Cổng, hàng rào		200,802,197		QĐ số 92/QĐ-BT ngày 10/12/2014 của Giám đốc Bệnh viện ĐK huyện Bá Thước
	- Cải tạo Nhà Khoa ngoại sản		106,371,000		QĐ số 762/QĐ-UBND ngày 07/03/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
	- Nhà hành chính, Nhà trực, Sân, đường nội bộ, Thoát nước ngoài nhà		210,894,399		QĐ số 3317/QĐ-UBND ngày 30/08/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
4	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán	56,063,301	106,029,978	49,966,677	
	- Nhà điều trị Khoa Nội-Nhi-Cấp cứu-Đông y - Liên CK (03 tầng)		29,657,000		QĐ số 2868/QĐ-UBND ngày 01/09/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh
	- Nhà Khoa dinh dưỡng, Nhà Khoa truyền nhiễm, Nhà Khoa chống nhiễm khuẩn, Cổng, hàng rào		36,979,536		QĐ số 92/QĐ-BT ngày 10/12/2014 của Giám đốc Bệnh viện ĐK huyện Bá Thước
	- Cải tạo Nhà Khoa ngoại sản		13,209,000		QĐ số 762/QĐ-UBND ngày 07/03/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
	- Nhà hành chính, Nhà trực, Sân, đường nội bộ, Thoát nước ngoài nhà		26,184,442		QĐ số 3317/QĐ-UBND ngày 30/08/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
5	Chi phí lựa chọn nhà thầu thi công	52,440,163	80,284,311	27,844,148	
	- Nhà điều trị Khoa Nội-Nhi-Cấp cứu-Đông y - Liên CK (03 tầng)		26,179,000		QĐ số 2868/QĐ-UBND ngày 01/09/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh
	- Nhà Khoa dinh dưỡng, Nhà Khoa truyền nhiễm, Nhà Khoa chống nhiễm khuẩn, Cổng, hàng rào		21,406,934		QĐ số 92/QĐ-BT ngày 10/12/2014 của Giám đốc Bệnh viện ĐK huyện Bá Thước
	- Cải tạo Nhà Khoa ngoại sản		10,964,000		QĐ số 762/QĐ-UBND ngày 07/03/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
	- Nhà hành chính, Nhà trực, Sân, đường nội bộ, Thoát nước ngoài nhà		21,734,377		QĐ số 3317/QĐ-UBND ngày 30/08/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	385,196,830	616,823,418	231,626,588	

	- Nhà điều trị Khoa Nội-Nhi-Cấp cứu-Đông y - Liên CK (03 tầng)		203,453,000		QĐ số 2868/QĐ-UBND ngày 01/09/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh
	- Nhà Khoa dinh dưỡng, Nhà Khoa truyền nhiễm, Nhà Khoa chống nhiễm khuẩn, Công, hàng rào		166,935,974		QĐ số 92/QĐ-BT ngày 10/12/2014 của Giám đốc Bệnh viện ĐK huyện Bá Thước
	- Cải tạo Nhà Khoa ngoại sản		76,945,000		QĐ số 762/QĐ-UBND ngày 07/03/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
	- Nhà hành chính, Nhà trực, Sân, đường nội bộ, Thoát nước ngoài nhà		169,489,444		QĐ số 3317/QĐ-UBND ngày 30/08/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
7	Chi phí kiểm tra và chứng nhận chất lượng CTXD		71,208,000	71,208,000	QĐ số 2868/QĐ-UBND ngày 01/09/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh
8	Chi phí kiểm định chất lượng công trình cũ (Cải tạo Nhà khoa ngoại sản)		48,294,000	48,294,000	QĐ số 762/QĐ-UBND ngày 07/03/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
9	Chi phí giám sát, đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình		70,572,609	70,572,609	
	- Nhà Khoa dinh dưỡng, Nhà Khoa truyền nhiễm, Nhà Khoa chống nhiễm khuẩn, Công, hàng rào		29,150,851		QĐ số 92/QĐ-BT ngày 10/12/2014 của Giám đốc Bệnh viện ĐK huyện Bá Thước
	- Cải tạo Nhà Khoa ngoại sản		16,424,000		QĐ số 762/QĐ-UBND ngày 07/03/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
	- Nhà hành chính, Nhà trực, Sân, đường nội bộ, Thoát nước ngoài nhà		24,997,758		QĐ số 3317/QĐ-UBND ngày 30/08/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
V	Chi phí khác	160,220,044	239,822,177	79,602,133	
1	Chi phí thẩm định DA và thiết kế cơ sở	8,050,000	9,010,000	960,000	
2	Chi phí bảo hiểm công trình	45,530,550	67,875,289	22,344,739	
	- Nhà điều trị Khoa Nội-Nhi-Cấp cứu-Đông y - Liên CK (03 tầng)		27,465,000		QĐ số 2868/QĐ-UBND ngày 01/09/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh
	- Nhà Khoa dinh dưỡng, Nhà Khoa truyền nhiễm, Nhà Khoa chống nhiễm khuẩn, Công, hàng rào		21,062,179		QĐ số 92/QĐ-BT ngày 10/12/2014 của Giám đốc Bệnh viện ĐK huyện Bá Thước
	- Nhà hành chính, Nhà trực, Sân, đường nội bộ, Thoát nước ngoài nhà		19,348,110		QĐ số 3317/QĐ-UBND ngày 30/08/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
3	Chi phí kiểm toán công trình	65,592,571	71,986,606	6,394,035	

	- Nhà điều trị Khoa Nội-Nhi-Cấp cứu-Đông y - Liên CK (03 tầng)		31,133,000		QĐ số 2868/QĐ-UBND ngày 01/09/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh
	- Nhà Khoa dinh dưỡng, Nhà Khoa truyền nhiễm, Nhà Khoa chống nhiễm khuẩn, Công, hàng rào		40,853,606		QĐ số 92/QĐ-BT ngày 10/12/2014 của Giám đốc Bệnh viện ĐK huyện Bá Thước
4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	41,046,923	34,087,218	-6,959,705	
	- Nhà điều trị Khoa Nội-Nhi-Cấp cứu-Đông y - Liên CK (03 tầng)		12,990,000		QĐ 2868/QĐ-UBND ngày 01/09/2011
	- Nhà Khoa dinh dưỡng, Nhà Khoa truyền nhiễm, Nhà Khoa chống nhiễm khuẩn, Công, hàng rào		11,067,218		QĐ số 92/QĐ-BT ngày 10/12/2014 của Giám đốc Bệnh viện ĐK huyện Bá Thước
	- Cải tạo Nhà Khoa ngoại sản		10,030,000		QĐ số 762/QĐ-UBND ngày 07/03/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
5	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu		6,863,064	6,863,064	
	- Nhà Khoa dinh dưỡng, Nhà Khoa truyền nhiễm, Nhà Khoa chống nhiễm khuẩn, Công, hàng rào		1,000,000		QĐ số 92/QĐ-BT ngày 10/12/2014 của Giám đốc Bệnh viện ĐK huyện Bá Thước
	- Nhà hành chính, Nhà trực, Sân, đường nội bộ, Thoát nước ngoài nhà		5,863,064		QĐ số 3317/QĐ-UBND ngày 30/08/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
6	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN		50,000,000	50,000,000	QĐ số 3317/QĐ-UBND ngày 30/08/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
VI	Chi phí dự phòng	3,118,022,207	1,068,317,214	-2,049,704,993	
1	Nhà Khoa dinh dưỡng, Nhà Khoa truyền nhiễm, Nhà Khoa chống nhiễm khuẩn, Công, hàng rào		709,591,598		QĐ số 92/QĐ-BT ngày 10/12/2014 của Giám đốc Bệnh viện ĐK huyện Bá Thước
2	Nhà hành chính, Nhà trực, Sân, đường nội bộ, Thoát nước ngoài nhà		358,725,616		QĐ số 3317/QĐ-UBND ngày 30/08/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
	Tổng cộng:	23,904,836,921	29,390,205,348	5,485,368,427	